

Mẫu số 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134 /CV-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi**

- Mã chứng khoán: **BSQ**
- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0255.6250905
- Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố:**

**- BCTC bán niên năm 2023**

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

**- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:**

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2023 tại đường dẫn: [www.sabecoquangngai.com.vn](http://www.sabecoquangngai.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên năm 2023
- Công văn giải trình lợi nhuận số ...../CV-BSGQN ngày 14/08/2023.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Bùi Thị Như*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007  
**Đầu tư số** 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận** 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005  
**Đăng ký Doanh nghiệp số**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị** Ông Koo Liang Kwec Chủ tịch  
Bà Bùi Thị Nhự Thành viên  
Ông Đinh Văn Thành Thành viên  
Ông Trần Nguyên Trung Thành viên  
Ông Văn Thảo Nguyên Thành viên

**Ban Kiểm soát** Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân Trưởng ban  
Ông Nguyễn Văn Hòa Thành viên  
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều Thành viên

**Ban Giám đốc** Bà Bùi Thị Nhự Giám đốc  
Ông Nguyễn Văn Hùng Phó Giám đốc  
Ông Thượng Tấn Lực Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

  
Thay mặt Ban Giám đốc  
Bà Thị Nhựt  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2023

  
B  
TỈNH



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00380-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>469.650.711.303</b>	<b>567.376.935.274</b>
Tiền	110	8	25.894.723.749	6.831.749.856
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>243.100.000.000</b>	<b>338.100.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	243.100.000.000	338.100.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61.260.571.912</b>	<b>30.450.401.618</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	47.509.084.209	11.791.189.282
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	500.512.353	10.838.742.460
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	13.250.975.350	7.820.469.876
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13(a)</b>	<b>135.745.618.750</b>	<b>190.812.906.764</b>
Hàng tồn kho	141		136.155.729.647	191.213.749.501
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(410.110.897)	(400.842.737)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.649.796.892</b>	<b>1.181.877.036</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.649.796.892	1.181.877.036
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>1.055.024.908.006</b>	<b>1.107.783.172.017</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>924.724.891.558</b>	<b>986.433.730.242</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	924.724.891.558	986.433.730.242
Nguyên giá	222		2.004.268.445.207	2.002.275.193.079
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.079.543.553.649)	(1.015.841.462.837)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>11.706.098.647</b>	<b>2.154.816.792</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	11.706.098.647	2.154.816.792
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.593.917.801</b>	<b>119.194.624.983</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	114.671.808.678	117.342.228.621
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.219.383.764	781.090.429
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13(b)	1.702.725.359	1.071.305.933
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.524.675.619.309</b>	<b>1.675.160.107.291</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>724.652.308.689</b>	<b>869.096.362.664</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>724.652.308.689</b>	<b>749.135.405.864</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17(a)	153.932.785.648	36.036.288.506
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.777.886	346.782.283
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	273.439.844.541	191.785.907.844
Phải trả người lao động	314		6.751.885.783	3.302.976.364
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	12.616.079.393	10.557.926.088
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	26.526.457.241	20.681.808.886
Vay ngắn hạn	320	21	247.000.000.000	475.510.565.869
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	4.308.478.197	10.913.150.024
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>119.960.956.800</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	17(b)	-	119.960.956.800
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>800.023.310.620</b>	<b>806.063.744.627</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>800.023.310.620</b>	<b>806.063.744.627</b>
Vốn cổ phần	411	24	450.000.000.000	450.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		313.423.060.348	319.463.494.355
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		253.148.993.119	203.685.650.956
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước</i>	421b		60.274.067.229	115.777.843.399
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.524.675.619.309</b>	<b>1.675.160.107.291</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	935.418.095.197	843.554.797.967
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	101.727.120	418.631.944
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b> <b>(10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>935.316.368.077</b>	<b>843.136.166.023</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	840.578.660.871	709.336.571.054
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>94.737.707.206</b>	<b>133.799.594.969</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	11.085.748.168	21.226.193.278
Chi phí tài chính	22	31	17.092.152.955	6.837.401.333
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.332.764.922</i>	<i>6.522.597.407</i>
Chi phí bán hàng	25	32	3.790.413.409	3.451.831.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	7.739.001.033	6.611.146.251
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>77.201.887.977</b>	<b>138.125.409.260</b>
Thu nhập khác	31		565.507.456	1.751.286.207
Chi phí khác	32		365.887.731	1.538.952.823
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>199.619.725</b>	<b>212.333.384</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>77.401.507.702</b>	<b>138.337.742.644</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	15.615.733.808	12.064.168.818
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(1.438.293.335)	123.858.725
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>63.224.067.229</b>	<b>126.149.715.101</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.339	2.709

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Btr Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		77.401.507.702	138.337.742.644
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		63.702.090.812	50.494.416.026
Các khoản dự phòng	03		(98.828.889)	(1.454.858.675)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.604.757.650	(13.119.920.489)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.884.225.144)	(7.749.278.415)
Chi phí lãi vay	06		14.332.764.922	6.522.597.407
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>147.058.067.053</b>	<b>173.030.698.498</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(24.801.719.904)	(66.549.613.450)
Biến động hàng tồn kho	10		54.534.697.477	(63.930.117.071)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		97.636.449.478	102.201.837.769
Biến động chi phí trả trước	12		(2.252.677.840)	(1.224.256.752)
			<b>272.174.816.264</b>	<b>143.528.548.994</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.689.070.182)	(6.326.274.982)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.859.243.141)	(8.284.899.569)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		23.840.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.293.013.063)	(9.364.549.999)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>232.357.329.878</b>	<b>119.552.824.444</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(24.248.206.111)	(198.695.536.458)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	30.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(246.800.175.342)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		95.000.000.000	238.946.290.410
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.961.221.312	2.370.140.161
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>75.713.015.201</b>	<b>(204.149.281.229)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a- DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	806.600.000.000	771.836.313.877
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.035.110.565.869)	(676.698.298.569)
	Tiền chi trả cổ tức	36	(60.509.883.000)	(59.811.061.500)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(289.020.448.869)</b>	<b>35.326.953.808</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>19.049.896.210</b>	<b>(49.269.502.977)</b>
	Tiền đầu kỳ	60	6.831.749.856	52.906.237.842
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	13.077.683	28.238.244
	<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>25.894.723.749</b>	<b>3.664.973.109</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Nhựt  
Giám đốc

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 210 nhân viên (1/1/2023: 210 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 255.002 triệu VND (1/1/2023: 181.758 triệu VND). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 263.000 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

31/06/2023

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NGÃI

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản dù điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Y  
N  
O  
I  
M  
G

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

**8. Tiền**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	118.876.576	44.721.703
Tiền gửi ngân hàng	25.775.847.173	6.787.028.153
	25.894.723.749	6.831.749.856

**9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,0% đến 8,8% một năm (1/1/2023: từ 5,2% đến 8,8% một năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn giá trị 30.000 triệu VND (1/1/2023: 30.000 VND triệu đồng) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo trả cho các khoản trả chậm cho người bán (Thuyết minh 17(b)).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	42.897.846.824	7.436.774.160
International Consolidated Business Pty Ltd	3.164.465.478	3.011.309.568
Các khách hàng khác	1.446.771.907	1.343.105.554
	47.509.084.209	11.791.189.282

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có khoản phải thu khách hàng (1/1/2023: 11.791 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	42.897.846.824	7.436.774.160
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	42.790.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	108.690.930
	42.790.000	108.690.930

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**11. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
KHS Asia Pte Ltd	179.063.046	722.668.134
Công ty TNHH Thịnh Đức	-	9.306.403.600
Các nhà cung cấp khác	321.449.307	809.670.726
	500.512.353	10.838.742.460

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm 36 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2023: 51 triệu VND).

T.C.P

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu lãi tiền gửi	12.881.247.128	6.958.243.296
Phải thu khác	369.728.222	862.226.580
	13.250.975.350	7.820.469.876

**13. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	46.359.977.003	-	91.906.905.947	-
Công cụ và dụng cụ	8.396.848.285	(410.110.897)	6.331.681.744	(400.842.737)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.334.489.205	-	41.524.973.783	-
Thành phẩm	45.061.316.717	-	51.215.224.339	-
Hàng hóa	3.098.437	-	234.963.688	-
	136.155.729.647	(410.110.897)	191.213.749.501	(400.842.737)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có hàng tồn kho (1/1/2023: 190.812 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	400.842.737	822.932.995
Dự phòng trích lập trong kỳ	9.268.160	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(387.555.418)
	410.110.897	435.377.577

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	12.370.610.502	(10.667.885.143)	11.847.288.125	(10.775.982.192)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	10.775.982.192	11.794.489.014
Dự phòng trích lập trong kỳ	396.661.356	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(504.758.405)	(1.067.303.257)
Số dư cuối kỳ	10.667.885.143	10.727.185.757



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	335.566.808.689	1.655.381.970.122	9.520.392.301	1.261.121.914	544.900.053	2.002.275.193.079
Tăng trong kỳ	250.000.000	251.000.000	-	-	-	501.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	384.739.722	1.106.975.113	537.293	-	-	1.492.252.128
Số dư cuối kỳ	336.201.548.411	1.656.739.945.235	9.520.929.594	1.261.121.914	544.900.053	2.004.268.445.207
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	126.845.351.173	879.343.813.809	8.516.295.919	714.826.035	421.175.901	1.015.841.462.837
Khấu hao trong kỳ	7.129.725.990	56.308.668.187	138.409.696	109.821.420	15.465.519	63.702.090.812
Số dư cuối kỳ	133.975.077.163	935.652.481.996	8.654.705.615	824.647.455	436.641.420	1.079.543.553.649
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	208.721.457.516	776.038.156.313	1.004.096.382	546.295.879	123.724.152	986.433.730.242
Số dư cuối kỳ	202.226.471.248	721.087.463.239	866.223.979	436.474.459	108.258.633	924.724.891.558

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 23.354 triệu VND (1/1/2023: 20.019 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có tài sản cố định hữu hình (1/1/2023: 34.872 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	2.154.816.792	454.434.228.253
Tăng trong kỳ	9.642.075.175	54.445.269.313
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.492.252.128)	(492.329.971.911)
Chuyển từ/(sang) chi phí trả trước dài hạn	1.401.458.808	(4.101.486.552)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.706.098.647	12.448.039.103

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 1.820 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 201 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc của dự án 06 Nguyễn Thụy	4.264.425.595	2.154.816.792
Dự án mở rộng sản xuất	7.441.673.052	-
	<hr/>	<hr/>
	11.706.098.647	2.154.816.792

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	113.518.163.330	363.597.732	3.460.467.559	117.342.228.621
Phân bổ trong kỳ	-	(213.638.646)	(1.053.719.119)	(1.267.357.765)
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(1.401.458.808)	-	-	(1.401.458.808)
Điều chỉnh khác	-	3.607.581	(5.210.951)	(1.603.370)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	112.116.704.522	153.566.667	2.401.537.489	114.671.808.678

30/06/2023  
CỔ  
CỔ  
A S  
UAI  
/QU

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Krones AG (*)	122.443.488.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.800.009.345	4.477.245.443
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	1.849.662.314	10.209.500.000
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	-	5.277.631.970
Các nhà cung cấp khác	10.839.625.989	16.071.911.093
	153.932.785.648	36.036.288.506

(\*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 17(b).

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	18.800.009.345	4.477.245.443
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	104.957.932
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	-	78.650.992

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có</b>	
	<b>khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Krones AG	-	119.960.956.800

Phải trả ngắn hạn và dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 30.000 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Tổng chi phí lãi trả chậm đối với khoản phải trả cho Krones AG đến ngày thanh toán là 2.402 triệu VND (1/1/2023: 3.766 triệu VND). Phải trả người bán cho Krones AG sẽ được thanh toán vào năm 2024.

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2023</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp/cán</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trừ trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	157.035.719.561	840.055.807.147	(812.252.520.432)	184.839.006.276
Thuế giá trị gia tăng	16.541.029.853	174.331.352.282	(118.532.922.330)	72.339.459.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.812.303.558	15.615.733.808	(17.859.243.141)	15.568.794.225
Thuế thu nhập cá nhân	396.854.872	1.116.793.503	(821.451.741)	692.196.634
Phí đất	-	178.590.110	(178.590.110)	-
Các loại thuế khác	-	46.377.211	(45.989.610)	387.601
	<b>191.785.907.844</b>	<b>1.031.344.654.061</b>	<b>(949.690.717.364)</b>	<b>273.439.844.541</b>

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	8.692.852.774	9.561.618.517
Thù lao Hội đồng Quản trị	30.104.950	46.000.000
Chi phí khác	3.893.121.669	950.307.571
	<b>12.616.079.393</b>	<b>10.557.926.088</b>

384  
T  
I  
A  
M  
G  
V  
G  
A  
E

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cố tức phải trả	23.529.337.500	16.539.220.500
Phải trả khác	2.997.119.741	4.142.588.386
	<hr/>	<hr/>
	26.526.457.241	20.681.808.886
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay ngắn hạn**

	Biến động trong kỳ		30/6/2023	
	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	806.600.000.000	(1.035.110.565.869)	475.510.565.869	247.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	5,2% - 7,0%	120.000.000.000	119.961.278.869
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	6,7% - 7,2%	100.000.000.000	199.800.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (iii)	VND	5,3% - 8,0%	27.000.000.000	-
Ngân hàng Bangkok Đại chúng Trách nhiệm hữu hạn (iv)	VND	7,3% - 8,0%	-	155.749.287.000
			247.000.000.000	475.510.565.869



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không được đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 190.812 triệu VND và khoản phải thu khách hàng có giá trị là 11.791 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND và không được bảo đảm tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 34.872 triệu đồng).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và không được đảm bảo.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND (1/1/2023: 190.000 triệu VND) và không được đảm bảo.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.913.150.024	11.169.182.492
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	2.850.000.000	4.829.279.388
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(1.185.498.764)	-
Tiền thu khác	23.840.000	-
Sử dụng trong kỳ	(8.293.013.063)	(9.364.549.999)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.308.478.197</b>	<b>6.633.911.881</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	271.385.650.956	757.985.901.228
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	126.149.715.101	126.149.715.101
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(4.829.279.388)	(4.829.279.388)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	324.906.086.669	811.506.336.941
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	44.486.687.075	44.486.687.075
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.829.279.389)	(4.829.279.389)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	319.463.494.355	806.063.744.627
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	63.224.067.229	63.224.067.229
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(2.850.000.000)	(2.850.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 22)	-	-	1.185.498.764	1.185.498.764
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	313.423.060.348	800.023.310.620

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**25. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 14 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2022 cho các cổ đông là 112.500 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu, trong đó Công ty đã tạm ứng cổ tức 45.000 triệu VND cho cổ đông trong năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021).

**26. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Không có biến động Quỹ đầu tư phát triển trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Sau năm năm	67.232.639.066	68.922.792.909
	84.274.245.496	85.964.399.339

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	119.066	2.787.329.675	336	7.837.981

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.430.656.299	6.534.240.741

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	927.699.620.122	837.003.529.199
▪ Bán phế liệu	7.718.475.075	6.551.268.768
	935.418.095.197	843.554.797.967
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	101.727.120	418.631.944
Doanh thu thuần	935.316.368.077	843.136.166.023

**29. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	840.677.489.760	710.791.429.729
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(98.828.889)	(1.454.858.675)
	840.578.660.871	709.336.571.054

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	10.884.225.144	7.719.278.415
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.523.024	386.994.374
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.119.920.489
	<u>11.085.748.168</u>	<u>21.226.193.278</u>

**31. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.332.764.922	6.522.597.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	154.630.383	314.803.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.604.757.650	-
	<u>17.092.152.955</u>	<u>6.837.401.333</u>

**32. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.318.498.497	2.729.956.167
Chi phí nhân viên	1.279.277.728	572.549.634
Chi phí bán hàng khác	192.637.184	149.325.602
	<u>3.790.413.409</u>	<u>3.451.831.403</u>

101 101 090 5 2023

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.725.936.593	3.975.483.008
Chi phí khấu hao và phân bổ	453.243.351	510.987.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	457.134.094	426.196.777
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	270.738.972	236.282.116
Thuế và lệ phí	391.605.879	454.552.675
Chi phí quản lý khác	1.440.342.144	1.007.643.816
	7.739.001.033	6.611.146.251

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	737.872.667.899	655.598.295.566
Chi phí khấu hao và phân bổ	63.702.090.812	50.494.416.026
Chi phí nhân viên	27.727.886.133	22.132.155.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.916.280.579	8.341.265.096
Chi phí khác	3.376.090.239	2.187.271.674

**35. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	15.568.794.225	12.059.319.999
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	46.939.583	4.848.819
	15.615.733.808	12.064.168.818
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.438.293.335)	123.858.725
	14.177.440.473	12.188.027.543

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.401.507.702	138.337.742.644
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.480.301.540	20.750.661.397
Ưu đãi thuế	-	(8.595.413.764)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác	-	(185.831.327)
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(1.405.675.174)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	88.492.685	213.762.418
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	46.939.583	4.848.819
Khác	(32.618.161)	-
	<b>14.177.440.473</b>	<b>12.188.027.543</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b, Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tất cả các ưu đãi miễn thuế và giảm thuế đều không áp dụng với lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư mở rộng và thu nhập khác.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

34  
 TY  
 IN  
 GAI  
 12

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	63.224.067.229	126.149.715.101
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.850.000.000)	(4.829.279.388)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	592.749.382
Trích quỹ công tác xã hội	(100.000.000)	-
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>60.274.067.229</b>	<b>121.913.185.095</b>

(\*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(\*\*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại thành 2.709 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 2.696 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

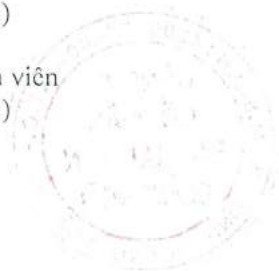
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.732.562.464.680	1.547.922.947.670
Doanh thu khác	78.049.857	256.606.800
Mua nguyên vật liệu	605.237.350.548	585.375.234.252
Cổ tức đã trả	44.925.000.000	44.925.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	217.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	728.918.690	626.965.640
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức đã trả	1.750.000.500	1.750.000.500
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	192.046.000	144.652.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	73.806.433	129.994.054
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	189.593.400	49.738.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Chi phí sử dụng vỏ chai	23.501.333	14.966.794
Thu nhập từ thanh lý bao bì luân chuyển	1.531.293.750	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam</b>		
Bán nguyên vật liệu	74.100.000	-
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Koo Liang Kwec - Chủ tịch (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)	60.000.000	40.000.000
Ông Teo Hong Keng - Chủ tịch (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	-	49.753.922
Bà Bùi Thị Nhự - Thành viên	42.000.000	55.885.163
Ông Đinh Văn Thuận - Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2022)	-	27.885.163



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Ông Đinh Văn Thành – Thành viên (từ ngày 8 tháng 3 năm 2022)	42.000.000	-
Ông Trần Nguyên Trung – Thành viên	42.000.000	55.885.163
Ông Văn Thảo Nguyễn – Thành viên	42.000.000	55.885.163
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.295.280.204	2.538.808.150
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thủ lao</i>		
Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân – Trưởng ban	219.400.000	219.821.423
Ông Nguyễn Văn Hòa – Thành viên	24.000.000	33.917.974
Bà Đỗ Thị Diễm Kiều – Thành viên	24.000.000	33.917.974

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	126.213.687.045	219.968.846.992
Chi phí lãi vay phải trả được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	458.741.364

**39. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 36, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Võ Thanh Cường  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Như  
 Giám đốc